

# Minh họa “phép biện chứng duy vật” qua một số câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao Việt Nam

Nguyễn Văn Hiền<sup>1</sup>, Võ Thị Nhung<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Trường Chính trị tỉnh Bình Định  
Số 112 Tầng Bạt Hồ, thành phố Quy Nhơn,  
tỉnh Bình Định, Việt Nam  
Email: nguyenvanhiencdsp2009@gmail.com

<sup>2</sup> Trường Trung học cơ sở Ngô Văn Sở  
Số 14, Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn,  
tỉnh Bình Định, Việt Nam  
Email: vothinhungquynhon@gmail.com

**TÓM TẮT:** “Phép biện chứng duy vật” là một nội dung quan trọng trong chương trình học phần “Triết học Mác - Lênin” được giảng dạy ở trình độ đại học. Nhằm giúp cho việc giảng dạy phần nội dung này được gắn kết với thực tiễn cuộc sống sinh động, thuyết phục và dễ hiểu hơn đối với sinh viên, tác giả bài viết đã thực hiện việc liên hệ, minh họa thông qua một số câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao Việt Nam.

**TỪ KHÓA:** Ca dao; phép biện chứng duy vật; thành ngữ; tục ngữ.

→ Nhận bài 13/7/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 07/10/2020 → Duyệt đăng 10/5/2021.

## 1. Đặt vấn đề

“Phép biện chứng duy vật” [1, tr.61] là một trong những nội dung cơ bản của Triết học Mác - Lênin. Đó là mảng tri thức mang tính trừu tượng hóa, khái quát hóa cao nên việc tiếp cận và lĩnh hội đối với sinh viên cao đẳng, đại học ở năm thứ nhất là một khó khăn lớn. Sự liên hệ, minh họa nó qua triết lí của người Việt thông qua các câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao là một trong những thủ pháp hay của giảng dạy, giúp cho tri thức triết học có tính hàn lâm được gắn kết với thực tiễn cuộc sống sinh động, từ đó người học dễ hấp thụ hơn. Sở dĩ, thực hành được phương cách giảng dạy đó vì trong tục ngữ, thành ngữ, ca dao Việt Nam chứa đựng rất nhiều những yếu tố của tư tưởng triết học biện chứng. Rất nhiều câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao Việt Nam thể hiện cách nhìn nhận các sự vật và hiện tượng không phải ở trạng thái tồn tại biệt lập, bất biến mà giữa chúng có những mối liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau, chúng luôn trong trạng thái vận động và phát triển.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Về hai nguyên lí của phép biện chứng duy vật

#### 2.1.1. Nguyên lí về mối liên hệ phổ biến

Có câu: “Gần lửa rất mặt” [2, tr.129], ngoài nghĩa đen, ngụ ý của câu thành ngữ nói đến những người gần gũi với bề trên hay người có thế lực sẽ chịu nhiều áp lực hoặc bị soi xét. Ngược lại, sự xa cách làm cho mỗi ràng buộc có thể bị lỏng lẻo. Ví như: “Xa mặt, xa lòng” [2, tr.346] - sự xa xôi, cách trở về không gian địa lí làm ảnh hưởng đến tình cảm con người trở nên phai nhạt dần đi. Câu tục ngữ: “Cây đa cậy thân, thân cậy cây đa” [2, tr.49] gợi lên hình ảnh các sự vật có mối liên hệ tương hỗ nhau để tồn tại và phát triển. Ngược lại, tình trạng của những sự vật, hiện tượng sẽ cùng xấu đi như: “Sen xa hồ, sen khô, hồ cạn/liều xa đào, liễu ngã, đào nghiêng/anh xa em

như bến xa thuyền/như Thúy Kiều xa Kim Trọng, biết mấy niên cho tái hồi!” [3, tr.53] nếu mỗi liên hệ không được thừa nhận. Có thể nói, vạn vật trong vũ trụ không tồn tại biệt lập mà luôn ở trong những mối liên hệ nhau, hoặc là trực tiếp hay gián tiếp, hoặc là nhân - quả, hoặc là cộng sinh...

Những mối liên hệ tồn tại trong vũ trụ là khách quan, do vậy con người cần có tính khách quan khi xem xét đánh giá về nó, về sự vật. Nói cách khác, phải thừa nhận mỗi liên hệ như vốn có của nó, tránh phủ nhận hoặc cảm tính, thiên lệch dạng tô hồng hay bôi đen như: “Thương nhau củ ấu cũng tròn, ghét nhau quả bồ hòn cũng méo” [2, tr.305]. Đồng thời, vì sự vật, hiện tượng vốn có nhiều mối liên hệ tác động, do vậy con người cần từ bỏ cái nhìn phiến diện mà phải toàn diện mới nhận thức và hành động đúng với hiện thực khách quan. Chẳng hạn, phải nên: “Xem trong bếp biết nét đàn bà” [2, tr.348], thậm chí cần đứng ở nhiều góc độ, hệ quy chiếu khác nhau: “Có ở trong chăn mới biết chăn có rận” [4, tr.229], hoặc: “Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ” [2, tr.74] mới nhận thức được sự vật một cách toàn vẹn, và tránh: “Thầy bói xem voi” [5, tr.101-103] hay: “Ếch ngồi đáy giếng” [2, tr.125]. Có quan điểm toàn diện nhưng cần lưu ý nhận biết tính chất quan trọng về vị trí, vai trò của từng mặt, từng mối liên hệ; nếu đánh đồng, không phân biệt hay kết hợp vô nguyên tắc giữa các mặt, mối liên hệ sẽ dễ sa vào những sai lầm dạng: “Đeo cày giữa đường” [5, tr.125-126] hay: “Cá mè một lứa” [2, tr.43]. Sự vận động phát triển của sự vật vốn dĩ là tự thân, do vậy những mối liên hệ chủ yếu, mối liên hệ cơ bản, mối liên hệ bên trong luôn giữ vai trò quyết định; còn những mối liên hệ thứ yếu, mối liên hệ không cơ bản, mối liên hệ bên ngoài chỉ giữ vai trò ảnh hưởng. “Hữu xạ tự nhiên hương” [2, tr.149] và “Gần bùn mà

chẳng hôi tanh mùi bùn” [2, tr.129] là những câu thành ngữ và ca dao khẳng định tính quyết định của môi liên hệ bên trong. Phản ánh sự tương hỗ giữa mặt bên trong với bên ngoài có câu: “Trong âm, ngoài êm” [2, tr.321], nên khi thúc đẩy sự vật phát triển cần ưu tiên chú trọng hơn những mối liên hệ giữ vai trò quyết định kết hợp với những mối quan hệ có tầm ảnh hưởng. Ngược lại, khi sự vật rơi vào thoái bộ cũng xuất phát và quyết định từ những mối liên hệ bên trong, còn bên ngoài chỉ là phần ảnh hưởng, nên phải thừa nhận: “Tiên trách ki, hậu trách nhân” [2, tr.306].

### 2.1.2. Nguyên lí về sự phát triển

Phát triển là khuynh hướng chung mang tính tất yếu khách quan của thế giới vật chất. Có câu: “Trăng đến rằm thì trăng tròn” hay: “Hết cơn bão cực đến tuần thái lai” [5, tr.142], vì thế, khi xem xét sự vật hiện tượng, phải có quan điểm phát triển, có niềm tin vào khuynh hướng vận động theo chiều hướng đi lên của sự vật, hiện tượng. “Chớ vì ghen một miếng mà bỏ bữa bỏ ăn, chớ vì ngã một lần mà chân không bước” và xây dựng niềm tự tin lạc quan: “Non cao cũng có đường trèo/đường dẫu hiểm nghèo cũng có lối đi” [5, tr.242]; đồng thời từ bỏ quan điểm bảo thủ, định kiến: “Thật thà cũng thể lái trâu/Thương nhau cũng thể nâng dâu mẹ chồng” [5, tr.293], (không thể cho rằng, *lái trâu* hay nghề buôn bán nói chung luôn là gian dối, hay giữa *mẹ chồng* với *nàng dâu* không có tình thương nhau thật sự lâu dài).

Bản thân mỗi liên hệ mang tính cơ bản hay không cơ bản, chủ yếu hay thứ yếu, sự vật vận động phát triển hay đứng im, thăng hay trầm luôn phải gắn liền với những không gian và thời gian nhất định. Do vậy, cần có quan điểm lịch sử - cụ thể khi xem xét sự vật, như: “Sông có khúc, người có lúc” [5, tr.276], hoặc phải linh hoạt: “Mạnh dùng sức, yếu dùng chước” [5, tr.189].

## 2.2. Về sáu cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật

### 2.2.1. Cái riêng - cái chung

*Cái chung* là cái có đặc điểm chung giữa những *cái riêng*, tức là nói về thuộc tính giống nhau giữa các cái riêng. Ví dụ: “Máu bò cũng như tiết dê” [2, tr.190], *máu* và *tiết* là cái chung, cái giống nhau giữa hai cái riêng *bò* và *dê*.

Trong mỗi cái riêng hay mỗi sự vật cụ thể, ngoài cái chung (mặt chung, mặt giống nhau) ra còn có *cái đơn nhất* (mặt đơn nhất, mặt khác biệt). Cái đơn nhất được hiểu là cái riêng biệt, cái khác biệt giữa những sự vật (thường so sánh ở cùng nhóm, cùng loại...), đó là cái: “Có một không hai” [2, tr.73]. Bất kì sự vật, hiện tượng nào cũng tồn tại cái đơn nhất, ví dụ: “Mỗi cây mỗi hoa,

mỗi nhà mỗi cảnh” [2, tr.200]; hay: “Sống mỗi người một nét, chết mỗi người một mồ” [2, tr.277]. Trong cuộc sống, mặc dù cái chung thường là cái cơ bản, quy định bản chất, khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật nhưng không vì thế mà con người tuyệt đối hóa mặt cái chung cũng như ngược lại hoặc tách rời giữa chúng mà phải tư duy hài hòa giữa cái chung và cái riêng theo phương châm “hòa nhập mà không hòa tan”, “Đại đồng tiểu dị” [2, tr.101], (thường được hiểu là “Cầu đồng tồn dị” - phát huy yếu tố tương đồng, chấp nhận yếu tố dị biệt (khác biệt) nhưng nên thu hẹp đến mức thấp nhất).

### 2.2.2. Bản chất - hiện tượng

Mối quan hệ giữa *bản chất* và *hiện tượng* được đề cập đến ở nhiều góc cạnh và mức độ khác nhau, rất thực tế và linh hoạt. Bản chất bao giờ cũng bộc lộ qua hiện tượng, ví dụ: “Khôn ngoan hiện ra nét mặt, què quặt hiện ra chân tay” [2, tr.159]. *Nét mặt* là hiện tượng biểu hiện cho bản chất *khôn ngoan*. Bản chất với hiện tượng thường thống nhất nhau, chẳng hạn: “Chim khôn hót tiếng rảnh rang/Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe” [2, tr.61]. Tuy nhiên, cũng có khi hiện tượng mâu thuẫn, giả tạo với bản chất, ví như: “Miệng nam mô, bụng bỏ dao găm” [2, tr.198].

Trong nhận thức, có thể căn cứ vào hiện tượng để suy luận về bản chất sự vật: “Đàn bà không biết nuôi heo là đàn bà nhác, đàn ông không biết buộc lạt là đàn ông hư” [2, tr.101]. Thế nhưng, cũng đừng vội vàng trông mặt mà bắt hình dong một cách chắc chắn, tất yếu vì nhiều khi hiện tượng phản ánh sai lệch bản chất. Do vậy, đừng thấy đồ đã nhanh kết luận là chín, không phải tất cả những gì lấp lánh đều là vàng mà nên có nhiều thời gian trải nghiệm xem xét cẩn thận, phải: “Thức lâu mới biết đêm dài, ở lâu mới biết lòng người dở hay” [2, tr.304].

### 2.2.3. Tất nhiên - ngẫu nhiên

Vạn vật trong vũ trụ có cái diễn ra như một quy luật chắc chắn nhưng cũng có khi ngoại lệ tạo nên sự bất ngờ. Tuyết thường rơi ở mùa đông nhưng cũng có khi tuyết rơi giữa mùa hè; người học tài giỏi nhưng cũng có lúc thi rớt lên rớt xuống... Đó chính là nói về mối quan hệ giữa cái *tất nhiên* và *ngẫu nhiên*. Trong cuộc sống, nguyên tắc phải dựa vào cái tất nhiên vì nó là cái chắc chắn sẽ xảy ra chứ không phải dựa vào cái ngẫu nhiên. Phải thực hành: “Năng nhặt chặt bị” [2, tr.214] chứ không bám víu vào: “Há miệng chờ sung” [2, tr.139]. Tuy vậy, cũng không nên bỏ qua cái ngẫu nhiên để dự phòng về những điều may/rủi như: “Chuột sa chính gạo” [2, tr.67], hay: “Tai bay vạ gió” [2, tr.281].

#### 2.2.4. Nguyên nhân - kết quả

Mối liên hệ *nhân - quả* luôn mang tính rất phổ biến trong thế giới. Vạn vật trong vũ trụ xuất hiện luôn có nguyên nhân. Có câu: “Không có lửa sao có khói?” [2, tr.161], *khói* được xem là kết quả do từ nguyên nhân *lửa* gây nên.

Quan hệ nhân - quả rất phức tạp. Có thể nhiều nguyên nhân tác động góp phần tạo nên kết quả, ví dụ như: “Nước, phân, cần, giống” [3, tr.170]. Ngược lại, một nguyên nhân cũng có thể gây ra nhiều kết quả: “Một công đôi việc” (nhất cử lưỡng tiện) [2, tr.231].

“Gieo gió gặt bão” [2, tr.134], “Nguồn đục thì dòng cũng đục” [2, tr.222] nói lên mối liên hệ nhân quả luôn có tính tất yếu. Do vậy, trong cuộc sống muốn kết quả xuất hiện tất phải tạo tiền đề sản sinh nguyên nhân, muốn “tròn” thì phải ở “bầu” - “Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài” [4, tr.251]. Có nhiều nguyên nhân góp phần thúc đẩy sự hình thành kết quả như mong muốn, nhưng luôn có sự ưu tiên cho nguyên nhân chủ yếu: “Không nước, không phân, chuyên cần vô ích” [3, tr.170]. Ngược lại, muốn kết quả (hay hậu quả) không xảy ra thì đừng: “Đánh rắn giữa khúc” [2, tr.104] mà phải cần loại bỏ tận gốc nguyên nhân: “Đánh rắn phải đánh đập đầu” [2, tr.104]. Thêm nữa, quan hệ nhân quả có sự kế tiếp về thời gian, nhưng không phải mọi quan hệ nối tiếp về thời gian nào cũng là quan hệ nhân quả, do đó trong nhận thức cần tránh sai lầm như: “Tháo dạ đổ vạ cho chè”.

#### 2.2.5. Nội dung - hình thức

*Nội dung với hình thức* cũng là mối liên hệ gắn bó chặt chẽ nhau. Sự vận động phát triển chính là lúc giữa nội dung với hình thức có sự phù hợp, thống nhất nhau, ví dụ: “Y phục xứng kì đức” [2, tr.352]. Trong cuộc sống, với sự linh hoạt sáng tạo của mình, con người có thể sử dụng một nội dung trong nhiều hình thức khác nhau như: “Khác lọ, cùng nước” [2, tr.153] hoặc ngược lại: “Một khó hai người đóng” [2, tr.203].

Nội dung luôn quan trọng hơn hình thức: “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn, xấu người đẹp nét còn hơn đẹp người” [2, tr.312] (Gỗ tốt mới giữ được nước sơn lâu bền, nếu nước sơn có tốt đến mấy cũng sẽ nhanh hỏng, bong tróc bởi gỗ xấu). Hình thức không thể quyết định nội dung: “Chiếc áo không làm nên thầy tu”. Thế nhưng, không vì thế mà bỏ qua hình thức, không chú trọng đến hình thức. Tục ngữ có câu: “Người đẹp vì lụa” [2, tr.224], hay: “Cái răng cái tóc là góc con người” [2, tr.45]... Nếu bỏ qua hoặc không chú trọng đến hình thức sẽ tạo nên độ vênh, sự khập khiễng, gượng ép một cách giả tạo và có khi là lố bịch như: “Râu ông nọ cắm cằm bà kia” [2, tr.266] hay: “Chó có váy lĩnh” [2, tr.62]. Do vậy, sự biện chứng là ở

chỗ con người luôn biết tạo ra sự ứng xử phù hợp: “Đi với Phật mặc cà sa, đi với ma mặc áo giấy” [2, tr.114], hay: “Lành làm gạo, vỡ làm muối” [2, tr.172].

#### 2.2.6. Khả năng - hiện thực

Mối liên hệ giữa *hiện thực với khả năng* giống như mối liên hệ giữa cái đang tồn tại với tương lai làm cho cái hiện tại đó sẽ biến đổi hoặc mất đi. Tuy nhiên, trong cuộc sống con người trước tiên phải dựa vào hiện thực và trân trọng nó hơn như: “Một con chim trong tay còn hơn hai con trên cành”. “Mèo nhỏ bắt chuột con” [2, tr.196] là thành ngữ nói lên khi ta đánh giá đúng thực chất của hiện thực trong mối tương quan khả năng chắc chắn sẽ xảy ra và thành công trong công việc, còn nếu nhận thức chưa chuẩn xác về hiện thực (về thực lực của bản thân) dễ rơi vào tôn công vô ích dù có cố gắng đến mấy cũng như: “Muỗi đốt chân voi” [2; tr.207] thậm chí là sai lầm: “Lấy gậy chọc trời” [2; tr.176], hoặc là lãng phí không cần thiết như: “Giết gà bằng dao mổ trâu”. Nếu xa rời hiện thực sẽ dẫn đến sai phạm: “Thả mồi bắt bóng” [2; tr.287], hay: “Đứng núi này trông núi nọ” [2; tr.121]. Đó cũng là bệnh ảo tưởng khi dựa vào cái không chắc chắn xảy ra: “Vớt trăng dưới nước, mò kim giữa đèn” [2; tr.343], hay: “Đếm cua trong lỗ”...

Khả năng là cái sẽ đến xuất phát từ cơ sở của hiện thực khi có điều kiện, do vậy con người cần phải có kế hoạch đầu tư: “Thả con săn sắt bắt con cá rô” [3; tr.76] hay phương án dự phòng khả năng xấu có thể xảy đến, đừng để: “Mất bò mới lo làm chuông” [2; tr.194].

#### 2.3. Về ba quy luật của phép biện chứng duy vật

Phép biện chứng duy vật có ba quy luật cơ bản, mỗi quy luật phản ánh một khía cạnh riêng về sự vận động phát triển của sự vật. *Quy luật lượng - chất* nói lên cách thức của sự phát triển, *quy luật mâu thuẫn* phản ánh nguồn gốc, động lực của sự phát triển và *quy luật phủ định của phủ định* diễn tả khuynh hướng, con đường của sự phát triển. Chính vì có điểm chung đều nói về sự vận động phát triển nên khó có thể tìm những câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao để minh họa riêng biệt và thuần nhất cho mỗi quy luật.

Phạm trù chất là cái tạo nên sự khác nhau giữa các sự vật, dùng để phân biệt giữa các sự vật, ví dụ: “Trăng mờ còn tỏ hơn sao, dẫu rằng núi lở còn cao hơn đồi” [2; tr.317]. Mỗi sự vật luôn là một chất khác nhau, chất (ánh sáng) của *sao* khác của *trăng*, chất của *núi* khác *đồi*.

Phạm trù lượng cũng là thuộc tính khách quan vốn có của sự vật, dùng để phân biệt (chỉ mang tính tương đối) với phạm trù chất. Nói cách khác, trong một giới hạn, một mối quan hệ nhất định thì chất và lượng là khác

nhau, phân biệt nhau. Do đó, không thể lấy lượng thay cho chất, ví: “Trăm đom đóm chẳng bằng một bó đuốc” [2; tr.316].

Vạn vật luôn tồn tại ở một giới hạn nhất định, sự biến đổi của lượng trong giới hạn chưa làm cho chất thay đổi, giới hạn đó gọi là “độ”, ví dụ: “Một chạch không đầy đầm” [2; tr.201]. Do vậy, trong cuộc sống lưu ý con người tránh nhầm lẫn “ba mươi đã là Tết”, “một cánh én đã là mùa xuân”. Theo quy luật, khi lượng tích tụ vượt qua giới hạn của độ sẽ dẫn đến bước nhảy, làm cho sự vật có sự thay đổi về chất, ví dụ: “Giọt nước làm tràn cốc” [2; tr.136], hay: “Mèo già hóa cáo” [2; tr.196], hoặc: “Có công mài sắt có ngày nên kim” [2; tr.71]... Ngược lại, khi chất thay đổi, tức chất mới ra đời thì cũng quy định một lượng mới phù hợp tương ứng. Nó có thể làm thay đổi kết cấu, quy mô, trình độ, nhịp điệu của sự vận động, phát triển của sự vật, ví dụ: “Phú quý sinh lễ nghĩa” [2; tr.256], hay: “Cái khó bó cái khôn” [2; tr.45].

Sự thay đổi về chất theo hướng tích cực là sự phát triển. Chính vì vậy, trong cuộc sống người ta thường coi trọng chất hơn, như: “Quý hồ tinh bất quý hồ đa” [2; tr.262], hay: “Văn hay chẳng lọ dài dòng” [2; tr.36]... Tuy vậy, cũng không vì thế mà người ta bỏ qua yếu tố lượng, coi thường nó. Có câu: “Có bột mới gột nên hồ” [2; tr.71], hay: “Ít bột không nặn nhiều bánh” [2; tr.148] đã nói lên điều đó.

Khi vận dụng quy luật, người xưa lưu ý tránh hai thái cực sai lầm. Đó là, chưa tích lũy đủ về lượng đã nóng vội thay đổi về chất như: “Chưa học bò đã lo học chạy” [2; tr.68], đó là biểu hiện: “Đốt cháy giai đoạn” [2; tr.119], “Dục tốc bất đạt” [2; tr.98], ngược lại, khi lượng tích lũy đủ cũng không nên chần chừ do dự: “Chân le chân vịt” [4; tr.56], dễ rơi vào trạng thái nửa vời: “Dờ ông dờ thằng” [2; tr.98], hoặc biến thành dạng: “Đề lâu cút trâu hóa bùn” [2; tr.111]... Mặt khác, muốn duy trì sự tồn tại của sự vật thì phải nhận thức được giới hạn “độ” của nó, tránh: “Già néo đứt dây” [2; tr.131].

Quan hệ lượng - chất chính là quan hệ giữa các mặt đối lập trong sự vật. Lượng có tính động trong khi chất có tính ổn định, nên hai mặt đối lập đó tạo thành mâu thuẫn biện chứng. Các mặt đối lập vừa thống nhất nhau nhưng cũng đồng thời đấu tranh, chuyển hóa giữa các mặt đối lập. Mâu thuẫn giữa các mặt đối lập là cơ sở của phủ định biện chứng. Phủ định biện chứng được hiểu như là cái mới ra đời thay thế cho cái cũ: “Tre già măng mọc” [2; tr.319], hoặc là sự nối tiếp, sự kế tục trong quá trình vận động phát triển: “Con chim đi, con đi lớn” [2; tr.77]. Sự phủ định theo vòng tuần hoàn xoáy ốc, có sự lặp lại: “Trước làm nàng dâu, sau mới làm

mẹ chồng” [2; tr.326], nhưng xu hướng chung là đi lên, cái sau kế thừa và tiến bộ hơn cái trước: “Hậu sinh khả úy” [2; tr.141]. Do đó, trong nhận thức lẫn hành động thực tiễn cần tránh sự siêu hình về phủ định như: “Có mới nới cũ” [2; tr.73], tức xem cái mới thoát li, đoạn tuyệt hoàn toàn với cái cũ hoặc là sự lặp lại hoàn toàn, nguyên xi: “Y như cựu lệ” [2; tr.352]. Quy luật phát triển của vạn vật nói chung là cái mới không thể ra đời từ mảnh đất trống không mà nó có tính sáng tạo, hoàn thiện dựa trên cơ sở loại bỏ dần yếu tố lạc hậu, không còn phù hợp, đồng thời kế thừa, phát huy yếu tố tích cực, hợp lý của cái cũ. *Mãng* luôn ra đời trên nền tảng, gốc rễ của của khóm *tre* già trước đó, *tre* trưởng thành và phát triển cũng chính là quá trình hoàn thiện sự sần chắc, dẻo dai từ những té bào *mãng*.

### 3. Kết luận

Trong nội dung của tục ngữ, thành ngữ, ca dao Việt Nam có chứa đựng những yếu tố của tư tưởng triết học, tuy là chưa đầy đủ và chặt chẽ như những quy luật, nguyên lý và mệnh đề triết học. Triết lý dân gian ấy tuy chưa phải là triết học nhưng nó rất gần gũi với triết học. Giữa chúng chỉ có sự khác biệt về mặt cấp độ, trình độ của nhận thức (triết lý dân gian qua tục ngữ, thành ngữ, ca dao được xem là cấp độ thấp, cấp độ kinh nghiệm; còn triết học phản ánh thế giới ở cấp độ cao, cấp độ lý luận) nhưng rất tương đồng về mặt bản chất và nhất là về mục đích. Mục đích triết lý của tục ngữ, thành ngữ, ca dao Việt Nam cũng là luôn cố gắng phát hiện ra bản chất và tính quy luật của các sự vật và hiện tượng tự nhiên, xã hội và đời sống con người. Nó không chỉ định hướng đúng đắn, biện chứng cho con người trong tư duy, trong ứng xử mà còn khéo léo nhắc nhở tránh phạm phải những lệch lạc, sai lầm phổ biến như phiến diện, siêu hình, định kiến... Ngôn từ, cú pháp mà nó diễn đạt giàu tính nghệ thuật, mộc mạc, cô đọng nhưng rất chặt chẽ, hình tượng, cân đối... trong những câu tục ngữ, thành ngữ; hoặc là có vần điệu nhẹ nhàng nhưng đầm thắm, duyên dáng qua những lời ca dao, giúp cho người học nhớ nhanh, hiểu sâu và đi vào lòng người một cách tự nhiên, thuận chiều. Cách dạy - học những tri thức lý luận có tính kinh viện của phép biện chứng duy vật qua các câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao của người Việt cũng giống như đưa người học liên hệ, lần tìm về với “phiên bản gốc” nó có tính đơn giản, dễ hấp thụ hơn. Đó cũng chính là cách lưu truyền, bảo tồn những giá trị văn hóa đã được kết tinh bằng trí tuệ, tâm hồn, cốt cách của người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc.

**Tài liệu tham khảo**

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2011), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Lâm, (1997), *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội.
- [3] Vũ Ngọc Phan, (2005), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Văn học.
- [4] Mai Khanh, (1997), *Thành ngữ - tục ngữ - ca dao - dân ca Việt Nam*, NXB Văn học.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2002), *Ngữ văn 6, tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

## SOME ILLUSTRATIONS OF THE “MATERIALIST DIALECTICS” THROUGH VIETNAMESE PROVERBS, IDIOMS AND FOLK SONGS

Nguyen Van Hien<sup>1</sup>, Vo Thi Nhung<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Binh Dinh Political School  
112 Tang Bat Ho, Quy Nhon city,  
Binh Dinh province, Vietnam  
Email: nguyenvanhiencdsp2009@gmail.com

<sup>2</sup> Ngo Van So Secondary School  
14 Ngo May, Quy Nhon city,  
Binh Dinh province, Vietnam  
Email: vothinhungquynhon@gmail.com

**ABSTRACT:** *“Materialist dialectics” is an important part of the curriculum with the module named ‘Marxist-Leninist Philosophy’ which has been taught at universities. In order to make the teaching of this content more relevant to the real life, more convincing and understandable for students, the author has made some comparisons and provided several illustrations of the materialist dialectics through Vietnamese proverbs, idioms, and folk songs.*

**KEYWORDS:** Folk songs; materialist dialectics; idioms; proverbs.